https://nhathuocngocanh.com/

SA SÂM (Rễ)
Radix Glehniae

Rễ (còn gọi là củ) được làm khô của cây Sa sâm (*Glehnia littoralis* F. Schmidt ex Miq.), họ Hoa tán (Apiaceae). Thu hoạch vào mùa hè hoặc mùa thu (tốt nhất vào cuối mùa thu), đào lấy rễ, cắt bỏ thân cây và rễ con, rửa sạch, phơi hoặc sấy đến se, nhúng vào nước sôi, bỏ lớp vỏ ngoài, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Rễ hình trụ, đôi khi phân nhánh, dài 15 cm đến 45 cm, đường kính 0,4 cm đến 1,2 cm. Đầu trên hơi nhỏ, phần giữa phình to, phần dưới nhỏ dần. Mặt ngoài màu trắng vàng nhạt, hơi thô, đôi khi còn sót lại lớp ngoài. Nếu không bỏ lớp ngoài, bên ngoài có màu nâu vàng, có vân hay nếp nhăn dọc nhỏ hoặc rãnh dọc, còn vết rễ con lốm đốm màu vàng nâu. Đầu rễ nhọn dần, cổ rễ thường mang gốc thân màu vàng nâu, chất giòn, dễ bẻ gãy. Mặt bẻ: Phần ngoài màu trắng hoặc vàng nhạt, phần gỗ ở trong màu vàng. Mùi đặc biệt. Vị hơi ngọt.
Ghi chú: Củ loại nhỏ (mọc hoang) chắc, có màu trắng ngà, hơi thơm, khi ngâm có nhiều bọt nổi lên, khi khô, bẻ giòn là loại tốt. Loại to xốp, không tốt.

Vi phẫu

Mô mềm vỏ gồm vài hàng tế bào, có ống tiết rải rác. Libe rộng, có các chỗ nứt gãy; rải rác có các ống tiết gần các mạch libe và các nhóm ống rây, bên trong ống tiết chứa chất tiết màu vàng nâu, mỗi ống tiết có 5 đến 8 tế bào tiết bao quanh. Tầng phát sinh libe-gỗ dễ thấy, thành vòng liên tục. Những tia gỗ rộng, gồm 2 đến 5 hàng tế bào, mạch gỗ nằm riêng lẻ hoặc phần lớn sắp xếp theo hình chữ V. Mô mềm ruột đôi khi thấy tế bào chứa khối tinh bột đã bị hồ hóa.

Bột

Màu trắng ngà. Soi dưới kính hiển vi thấy: Mảnh mô mềm, mảnh bần. Mảnh mạch vạch. Mạch điểm; mảnh mô mềm gỗ tế bào hẹp, dài, có khi dính cả mạch gỗ.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

Tạp chất

Mẩu gốc thân còn sót lại và tạp chất khác: Không quá 2,0 % (Phụ lục 12.11).

Tro toàn phần

Không quá 6,0 % (Phụ lục 9.8).

Tro không tan trong acid

Không quá 1,5 % (Phụ lục 9.7).

Chế biến

Sa sâm thái đoạn: Rửa sạch, bỏ tạp chất, ủ mềm, thái từng đoạn ngắn, phơi khô, dùng sống.
Sa sâm tẩm nước Gừng sao: Điều trị chứng phế hàn nhiều đờm trắng (cứ 1 kg Sa sâm dùng 300 g Gừng tươi, rửa sạch giã nhỏ, hòa với nước sạch vừa đủ, vắt bỏ bã). Tẩm nước Gừng với Sa sâm cho đều, ủ 6 h, sao đến có mùi thơm theo hướng dẫn tại Phụ lục 12.20.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô, tránh sâu mọt. Không được phơi nắng nhiều làm đổi màu, thuốc dễ mọt.
Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, nơi khô ráo, nên dùng trong 30 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, hơi đắng, tính hơi hàn. Vào kinh phế (có sách ghi vào cả kinh vị).

Công năng, chủ trị

Dưỡng âm, thanh phế nhiệt, tả hỏa, chỉ ho. Chủ trị: Trị chứng âm hư tân dịch kém, phế nhiệt ho khan, các chứng nhiệt ở miệng lưỡi do tân dịch kém.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 12 g, dạng thuốc sắc. Tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiêng kỵ

Nếu không phải âm hư, phế ráo, các chứng ho thuộc hàn không được dùng. Phản Lê lô.

SÀI ĐẤT
Wedeliae Herba

Phần trên mặt đất còn tươi hoặc được làm khô của cây Sài đất [*Wedelia chinensis* (Osbeck) Merr.], họ Cúc (Asteraceae). Thu hái quanh năm, vào lúc cây bắt đầu ra hoa (tốt nhất vào tháng 4 đến tháng 5), cắt lấy phần trên mặt đất, loại bỏ tạp chất, rửa sạch, dùng tươi hoặc phơi hay sấy khô.

Mô tả

Dược liệu khô: Những đoạn thân dài ngắn không đều, mang lông cứng. Lá mọc đối gần như không cuống. Phiến lá hình bầu dục thon, hai đầu hơi nhọn, dài 1,5 cm đến 5 cm, rộng 0,8 cm đến 2 cm, hai mặt có lông nhám, mặt trên màu lục xám, có đốm trắng; mặt dưới màu nhạt hơn, có gân chính và cặp gân phụ đầu tiên nổi rõ, xuất phát gần như từ một điểm ở gốc lá. Mép lá có 3 đến 5 đôi răng cưa rất thưa và nông. Cụm hoa hình đầu, màu nâu vàng, mọc ở ngọn cành, cuống cụm hoa dài 5 cm đến 10 cm. Hoa ở vòng ngoài đơn tính (hoa cái), có cánh hoa hình lưỡi nhỏ; hoa ở giữa lưỡng tính, hình ống. Mùi thơm. Vị hơi mặn.
Dược liệu tươi: Cây cỏ, mọc bò dưới đất, có thể cao tới 50 cm. Toàn thân màu xanh phủ lông trắng cứng nhỏ. Lá gần như không cuống, hình bầu dục thon dài, hai đầu nhọn, dài 1,5 cm đến 5 cm, rộng 0,8 cm đến 2 cm, có lông nhỏ cứng ở cả hai mặt, mép lá có 3 - 5 răng cưa nông. Gân chính và gân phụ đều nổi ở mặt dưới lá, hai bên gân chính có 2 gân phụ xuất phát gần như từ một điểm ở gốc lá. Cụm